

Bản án số: 128/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/3/2019.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

2. Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hà Thiên Tâm – Thư ký Toà án, Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Phương N, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 257/1/184 Đường L, Phường M, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Trung H, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 660/3 LHP, Phường M, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương N trình bày:

Bà và ông Huỳnh Trung H chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống khác nhau, ông H không có trách nhiệm với gia đình. Hai bên cũng đã cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H để bà ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Phương L, sinh ngày 11/09/2009, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có.

Ông Huỳnh Trung H trình bày: Ông và bà N tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, lối sống khác nhau. Tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông.

Về con chung: Có 01 con chung là Huỳnh Phương L, sinh ngày 11/09/2009, ông đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có.

Tại phiên tòa, bà N và ông H đều có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến trong biên bản hoà giải ngày 26/02/2019 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương N yêu cầu được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Huỳnh Trung H có nơi cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch*” và tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “*nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống bà N và ông H có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy việc chung sống giữa bà N và ông H không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó không được pháp luật thừa nhận. Nay hai bên có mâu thuẫn, không thể tiếp tục sống chung và đến thời điểm này bà N và ông H chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu Tòa án chấm dứt việc chung sống giữa họ. Nay bà N yêu cầu Tòa án tuyên bố không

công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Các đương sự thống nhất khai có 01 con chung là Huỳnh Phương L, sinh ngày 11/09/2009. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H đều khai không có.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: bà N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 141, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Phương N và ông Huỳnh Trung H .

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Huỳnh Phương L, sinh ngày 11/09/2009 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, bà N chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016870 ngày 09/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Lan